

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

[illegible]

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 35 + NQ 04)							Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022							Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:						
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương	
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	121,128		121,128					92,022		92,022					
8	Huyện Hớn Quản	112,070	25,830	86,240					185,570	25,830	159,740					
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	25,872		25,872					47,922		47,922					
9	Huyện Lộc Ninh	165,340	34,020	131,320					234,920	34,020	200,900					
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	39,396		39,396					60,270		60,270					
10	Huyện Bù Đốp	66,535	23,415	43,120					372,295	23,415	348,880					
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	12,936		12,936					104,664		104,664					
11	Huyện Phú Riềng	159,705	24,465	135,240					115,997	24,465	91,532					
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	40,572		40,572					27,460		27,460					
B	Vốn thực hiện dự án	3,921,030	114,497	3,010,833	684,200	18,600	30,000	62,900	2,665,560	144,497	1,758,263	714,200	18,600	30,000	-	
B1	Dự án chuyển tiếp	1,930,712	114,497	1,458,815	308,800	18,600	30,000	-	1,463,292	104,497	1,066,295	243,900	18,600	30,000	-	
I	Trả nợ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)								16,640		16,640					Sở Tài chính
II	Đối ứng dự án PPP	70,600	-	70,600	-	-	-	-	70,600	-	70,600	-	-	-	-	
1	Hạ tầng khu tái định cư Lâm viên và khu dân cư Phú Thịnh giai đoạn 2 phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài	70,600		70,600					70,600		70,600					Sở Xây dựng
III	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị	1,261,330	60,000	1,152,730	-	18,600	30,000	-	836,930	29,000	759,330	-	18,600	30,000	-	-
1	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	47,330		47,330					34,330		34,330					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng cầu dân sinh	46,000		46,000					46,000		46,000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	35,000		35,000					25,000		25,000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ	78,000		78,000					2,300		2,300					Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 35 + NQ 04)							Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022							Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:						
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương	
5	Xây dựng tuyến kết nối ĐT.753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	78,000		78,000					34,000		34,000					Ban QLDA ĐT XD tỉnh
6	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	30,000		30,000					30,000		30,000					Ban QLDA ĐT XD tỉnh
7	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	50,600		32,000		18,600			50,600		32,000		18,600			Ban QLDA ĐT XD tỉnh
8	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mệ đến QL14C	12,000		12,000					12,000		12,000					Ban QLDA ĐT XD tỉnh
9	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Minh Hưng - Đồng Nơ (3 hạng mục phát sinh, gồm: điện chiếu sáng công cộng, đường dây 22KVA và trạm biến áp, trồng cây sao đen hai bên đường)	14,800		14,800					14,800		14,800					Ban QLDA ĐT XD tỉnh
10	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bàu Nôm, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bàu Nôm)	29,000		29,000					19,000		19,000					Ban QLDA ĐT XD tỉnh
11	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú	50,000		50,000					12,000		12,000					UBND Huyện Đồng Phú
12	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm huyện Đồng Phú	30,000		30,000					27,750		27,750					UBND Huyện Đồng Phú
13	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	35,000		35,000					10,550		10,550					UBND Huyện Đồng Phú
14	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	30,000		30,000					30,000		30,000					UBND huyện Đồng Phú
15	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	40,000		40,000					25,000		25,000					UBND Huyện Hớn Quản
16	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	24,000		24,000					20,000		20,000					UBND Huyện Hớn Quản
17	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	50,000		50,000					9,000		9,000					UBND Huyện Hớn Quản
18	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	60,000	60,000						29,000	29,000						UBND TP Đồng Xoài
19	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến đường Nguyễn Huệ, phường Tân Đồng)	12,000		12,000					8,000		8,000					UBND TP Đồng Xoài
20	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối từ trung tâm Long Giang đến Long Phước	10,500		10,500					10,500		10,500					UBND TX Phước Long

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 35 + NQ 04)							Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022							Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:							
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh		Dự phòng ngân sách địa phương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương	
21	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	32,000		32,000					32,000		32,000					UBND TX Phước long
22	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	38,700		38,700					38,700		38,700					UBND TX Bình Long
23	Hỗ trợ Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	40,000		40,000					10,000		10,000					UBND huyện Chơn thành
24	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào Cụm công nghiệp và Khu nông nghiệp công nghệ cao Nha Bích	36,000		36,000					36,000		36,000					UBND huyện Chơn thành
25	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.14 đi xã Đăk Nhau	22,000		22,000					9,000		9,000					UBND huyện Bù Đăng
26	Xây dựng đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	30,000		30,000					30,000		30,000					UBND huyện Bù Đăng
27	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	30,000		30,000					30,000		30,000					UBND huyện Bù Đăng
28	Nâng cấp đường 13B từ ngã ba Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16	21,000		21,000					21,000		21,000					UBND huyện Lộc Ninh
29	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.760 từ ngã tư ĐT.741 đến cầu Đăk Ó (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT.741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	30,000					30,000		30,000					30,000		UBND huyện Bù Gia Mập
30	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện Bù Gia mập	42,000		42,000					11,000		11,000					UBND huyện Bù Gia Mập
31	Nâng cấp đường ĐT.759B đoạn từ chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Trắng	10,000		10,000					10,000		10,000					UBND huyện Bù Đốp
32	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	37,400		37,400					23,400		23,400					UBND huyện Lộc Ninh
33	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	25,000		25,000					1,000		1,000					UBND huyện Phú Riềng
34	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	55,000		55,000					55,000		55,000					UBND huyện Phú Riềng
35	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản	30,000		30,000					30,000		30,000					UBND huyện Phú Riềng
36	Xây dựng cầu Long Tân-Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	20,000		20,000					20,000		20,000					UBND huyện Phú Riềng
IV	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT	109,600	-	109,600	-	-	-	-	86,100	-	86,100	-	-	-	-	-
1	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	30,000		30,000					30,000		30,000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 35 + NQ 04)							Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022							Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:						
			Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương		Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương	
2	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành II	25,000		25,000					25,000		25,000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	30,600		30,600					11,100		11,100					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	24,000		24,000					20,000		20,000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
V	Thủy lợi	22,000	-	22,000	-	-	-	-	22,000	-	22,000	-	-	-	-	
1	Xây dựng hệ thống kênh dẫn 6 km sử dụng nước sau thủy điện Cản Đon cho cánh đồng Sóc Nê, xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp	17,000		17,000					17,000		17,000					UBND huyện Bù Đốp
2	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương, huyện Hớn Quản	5,000		5,000					5,000		5,000					UBND Huyện Hớn Quản
VI	Giáo dục và Đào tạo	288,500	-	-	288,500	-	-	-	192,500	-	-	192,500	-	-	-	
1	Trường Cao đẳng Bình Phước	50,000			50,000				30,000			30,000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT Đồng Xoài	25,000			25,000				20,000			20,000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng Trường THPT Phú Riềng	30,000			30,000				30,000			30,000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Dự án đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025	50,000			50,000				-							Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Xây dựng trường THPT Bình Long	35,000			35,000				35,000			35,000				UBND TX Bình Long
6	Xây dựng Khối hiệu bộ, khối bộ môn, nhà đa năng Trường THPT Tân Tiến	15,000			15,000				15,000			15,000				UBND huyện Bù Đốp
7	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	7,500			7,500				1,500			1,500				UBND huyện Bù Đăng
8	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	7,500			7,500				2,500			2,500				UBND huyện Bù Đăng
9	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đăng	15,000			15,000				5,000			5,000				UBND huyện Bù Đăng
10	Xây dựng Trường mẫu giáo Sơn Ca xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng	7,000			7,000				7,000			7,000				UBND huyện Bù Đăng
11	Xây dựng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS	20,000			20,000				20,000			20,000				UBND huyện Lộc Ninh
12	Xây dựng 12 phòng học và nhà đa năng THPT Lộc Hiệp	7,500			7,500				7,500			7,500				UBND huyện Lộc Ninh
13	Xây dựng trường tiểu học Hoàng Diệu xã Phú Nghĩa	19,000			19,000				19,000			19,000				UBND huyện Bù Gia Mập
VII	Y tế	20,300	-	-	20,300	-	-	-	4,300	-	-	4,300	-	-	-	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 35 + NQ 04)							Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022							Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:							
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh		Dự phòng ngân sách địa phương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương	
1	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn II)	20,300			20,300				4,300			4,300				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
VIII	Văn hóa xã hội	89,700	22,000	67,700	-	-	-	-	129,700	43,000	86,700	-	-	-	-	
1	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Phước	31,200		31,200					71,200		71,200					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Hệ thống sản xuất chương trình phát thanh và tổng khống chế truyền dẫn	22,000	22,000						22,000	22,000						Đài PTTH và Báo Bình Phước
3	Hệ thống sản xuất truyền hình và lưu trữ trung tâm	26,500		26,500					26,500	21,000	5,500					Đài PTTH và Báo Bình Phước
4	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	10,000		10,000					10,000		10,000					UBND huyện Bù Gia Mập
IX	Quốc phòng - An ninh	14,800	-	14,800	-	-	-	-	14,800	-	14,800	-	-	-	-	
1	Xây dựng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh	8,000		8,000					8,000		8,000					Công an tỉnh
2	Đội cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Bù Đăng	6,800		6,800					6,800		6,800					Công an tỉnh
X	Tất toán công trình đã quyết toán	21,385		21,385					57,225		10,125	47,100				Phụ lục 1.1
XI	Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch	32,497	32,497						32,497	32,497						Sở KHĐT
B2	Dự án khởi công mới	1,990,318	-	1,552,018	375,400	-	-	62,900	1,202,268	40,000	691,968	470,300	-	-	-	
I	Hoàn trả nguồn tạm mượn dự phòng NSDP thực hiện 02 dự án khẩn cấp	62,900	-	-	-	-	-	62,900	62,900	-	-	62,900	-	-	-	
1	Xây dựng Khu cách ly tập trung và Bệnh viện dã chiến tuyến tỉnh điều trị Covid-19	32,900						32,900	32,900			32,900				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng Bệnh viện dã chiến K72	30,000						30,000	30,000			30,000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
II	Giao thông và Hạ tầng đô thị	1,229,018	-	1,229,018	-	-	-	-	512,468	-	512,468	-	-	-	-	
1	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	264,549		264,549					33,769		33,769					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng đường nối Đồng Tiến - Tân Phú nối dài đến Tân Lập	50,000		50,000					-		-					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bàu Bàng	130,469		130,469					48,999		48,999					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1,2 kết nối QL14	50,000		50,000					50,000		50,000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chỏ qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	40,000		40,000					40,000		40,000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	15,000		15,000					2,000		2,000					UBND huyện Bù Đăng
7	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính huyện Chơn thành đi xã Quang Minh kết nối KCN Becamex	30,000		30,000					30,000		30,000					UBND huyện Chơn thành

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 35 + NQ 04)							Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022							Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:						
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương	
8	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	30,000		30,000					10,000		10,000					UBND huyện Chơn thành
9	Xây dựng đường liên xã Nha Bích - Minh Thắng	30,000		30,000					30,000		30,000					UBND huyện Chơn Thành
10	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kìa qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	30,000		30,000					18,000		18,000					UBND huyện Bù Gia Mập
11	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c)	38,000		38,000					21,000		21,000					UBND huyện Bù Gia Mập
12	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	22,000		22,000					12,000		12,000					UBND huyện Bù Đốp
13	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	40,000		40,000					15,000		15,000					UBND huyện Bù Đốp
14	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đoạn từ đồn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	20,000		20,000					10,000		10,000					UBND huyện Bù Đốp
15	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	40,000		40,000					15,000		15,000					UBND huyện Bù Đốp
16	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	35,000		35,000					15,000		15,000					UBND TX Phước long
17	Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	30,000		30,000					10,000		10,000					UBND TX Phước long
18	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	30,000		30,000					12,000		12,000					UBND TX Phước long
19	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	17,000		17,000					10,000		10,000					UBND TX Phước long
20	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	30,000		30,000					30,000		30,000					UBND TX Bình Long
21	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	80,000		80,000					-		-					UBND TX Bình Long
22	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	20,000		20,000					4,000		4,000					UBND huyện Lộc Ninh
23	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	15,000		15,000					1,700		1,700					UBND huyện Lộc Ninh
24	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	20,000		20,000					3,000		3,000					UBND huyện Lộc Ninh
25	Đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	20,000		20,000					10,000		10,000					UBND TP Đồng Xoài

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 35 + NQ 04)							Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022							Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:						
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương	
26	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	45,000		45,000					45,000		45,000					UBND TP Đồng Xoài
27	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	15,000		15,000					8,000		8,000					UBND huyện Phú Riềng
28	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	15,000		15,000					8,000		8,000					UBND huyện Phú Riềng
29	Xây dựng kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quán)	15,000		15,000					8,000		8,000					UBND huyện Phú Riềng
30	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quán	12,000		12,000					12,000		12,000					UBND huyện Hớn Quán
III	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT	60,000	-	60,000	-	-	-	-	42,000	-	42,000	-	-	-	-	
1	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	15,000		15,000					15,000		15,000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	15,000		15,000					9,000		9,000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	15,000		15,000					9,000		9,000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	15,000		15,000					9,000		9,000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
IV	Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp	20,000	-	20,000	-	-	-	-	20,000	-	20,000	-	-	-	-	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	10,000		10,000					10,000		10,000					Chi cục Kiểm Lâm
2	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã	10,000		10,000					10,000		10,000					Liên minh HTX tỉnh
V	Giáo dục và Đào tạo	383,400	-	98,000	285,400	-	-	-	345,400	-	92,500	252,900	-	-	-	
1	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	50,000			50,000				20,000			20,000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Hỗ trợ các huyện xây dựng 390 phòng học	273,000	-	98,000	175,000	-	-		273,000	-	92,500	180,500	-	-		
2.1	Thị xã Bình Long (30 phòng)	21,000		7,000	14,000				21,000		7,000	14,000				
2.2	Thị xã Phước Long (30 phòng)	21,000		7,000	14,000				21,000		7,000	14,000				
2.3	Huyện Phú Riềng (70 phòng)	49,000		14,000	35,000				49,000		14,000	35,000				
2.4	Huyện Đồng Phú (30 phòng)	21,000		7,000	14,000				21,000		7,000	14,000				
2.5	Huyện Hớn Quán (40 phòng)	28,000		7,000	21,000				28,000		7,000	21,000				
2.6	Huyện Bù Gia Mập (30 phòng)	21,000		7,000	14,000				21,000		7,000	14,000				

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 35 + NQ 04)							Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022							Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:						
			Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương		Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương	
2.7	Huyện Lộc Ninh (50 phòng)	35,000		14,000	21,000				35,000		14,000	21,000				
2.8	Huyện Bù Đốp (10 phòng)	7,000			7,000				7,000			7,000				
2.9	Huyện Bù Đăng (100 phòng)	70,000		35,000	35,000				70,000		29,500	40,500				
3	Xây dựng trường mầm non Tân Lập	12,400			12,400				12,400			12,400				UBND huyện Đồng Phú
4	Xây dựng trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	10,000			10,000				10,000			10,000				UBND huyện Hớn Quản
5	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	9,000			9,000				1,000			1,000				UBND huyện Bù Đăng
6	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng	9,000			9,000				9,000			9,000				UBND huyện Lộc Ninh
7	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	10,000			10,000				10,000			10,000				UBND huyện Bù Đốp
8	Xây dựng trường TH Thanh Bình B	10,000			10,000				10,000			10,000				UBND huyện Bù Đốp
VI	Y tế	90,000	-	-	90,000	-	-		90,000	-	-	90,000	-	-		
1	Nâng cấp trung tâm y tế thị xã Phước Long	25,000			25,000				25,000			25,000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Nâng cấp trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	25,000			25,000				25,000			25,000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	40,000			40,000				40,000			40,000				Sở Y tế
VII	Văn hóa xã hội	90,000	-	90,000	-	-	-		74,500	40,000	-	34,500	-	-	-	
1	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	40,000		40,000					40,000	40,000						Đài PTTH và Báo Bình Phước
2	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	50,000		50,000					34,500			34,500				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
VIII	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số	30,000	-	30,000	-	-	-		30,000	-	-	30,000	-	-		
1	Đầu tư hệ thống loa thông minh cho các xã, phường, thị trấn	30,000		30,000					30,000			30,000				Sở TT&TT
VIII	Quốc phòng - An ninh	25,000	-	25,000	-	-	-		25,000	-	25,000	-	-	-		
1	Xây dựng trụ sở làm việc của Ban CHQS thị xã Phước Long	15,000		15,000					15,000		15,000					Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
2	Xây dựng Hội trường 400 chỗ Công An tỉnh	10,000		10,000					10,000		10,000					Công an tỉnh
C	Chương trình MTQG nông thôn mới	490,000		370,600	119,400				490,000		370,600	119,400				Phụ lục 1.2
D	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	80,000	62,833	17,167					64,000	62,833	1,167					Phụ lục 1.3

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 35 + NQ 04)							Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022							Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:						
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương	
E	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi								16,000		16,000					Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn